

*Bản án số: 1649/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Bà Bùi Thị Hòa Bình

2-Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Công chức Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2542/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/QĐXX-ST ngày 06/07/2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 291/2023/QĐ-HPT ngày 01/08/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Cửu L (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ hộ khẩu: 82/53/8 đường ĐBL, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Út H (Vắng mặt)

Địa chỉ hộ khẩu: 82/53/8 đường ĐBL, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 07/12/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành nguyên đơn ông Lê Văn Cửu L trình bày:

Ông và bà Trần Thị Út H sau thời gian quen biết đã tiến tới hôn lễ và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 046/2007 ngày 14/03/2007.

Sau khi về chung sống một năm thì ông bà sinh được một người con trai tên Lê Hiền T. Do tính chất công việc ông thường phải đi làm xa nhà, và những bất đồng về tài

chính, về công việc giữa hai vợ chồng thường xảy ra dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không làm thay đổi tình cảm vợ chồng. Từ tháng 03 năm 2022, ông đã dọn về nhà cha mẹ tại Cần Thơ sinh sống và 02 vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Vì nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên sau khi nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án Bình Thạnh ông đã thông báo đến bà Hiền và bà Hiền cũng đồng thuận, tuy nhiên do bà Hiền là người công giáo nên không đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn với ông. Nay nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên ông L đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Út H.

Về con chung: Ông L và bà H có một con chung tên Lê Hiền T, sinh ngày 10/12/2007. Sau khi ly hôn ông L đồng ý giao con chung cho bà Trần Thị Út H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Bắt đầu thi hành từ tháng 8 năm 2023.

Về tài sản chung: Ông L và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Út H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai và không tham gia hòa giải đoàn tụ tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn đề nghị được giữ nguyên yêu cầu như trong đơn xin ly hôn;

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

- Về việc tuân theo tố tụng của thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc chấp hành tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 046/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/03/2007 nên giữa ông Lê Văn Cửu L và bà Trần Thị Út H có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện hai người không sống chung với nhau nên khả năng đoàn tụ là không có. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của ông L là có cơ sở chấp nhận.

+ Về con chung: Ông L và bà H có một con chung tên Lê Hiền T, sinh ngày 10/12/2007. Sau khi ly hôn ông L đồng ý giao con chung cho bà Trần Thị Út H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Do đó, để ổn định cuộc sống và học tập của cháu thì việc giao cháu cho mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: xét thấy việc ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông L đối với bà Hiền là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Cửu L.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn ông Lê Văn Cửu Long phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ông Lê Văn Cửu Long có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị Út Hiền. Đây là quan hệ tranh chấp về Ly hôn. Bị đơn bà Trần Thị Út H có nơi cư trú tại địa chỉ: 82/53/8 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

+ *Về tố tụng:*

Nguyên đơn, ông Lê Văn Cửu L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Bị đơn bà Trần Thị Út H, đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đến tòa trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vắng mặt không có lý

do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 046/2007 ngày 14/03/2007 Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn Cửu L và bà Trần Thị Út H là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Lê Văn Cửu L nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh để yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Út H vì hôn nhân không có hạnh phúc, do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống về cách sống và tài chính, thường xuyên cãi nhau, có cách nghĩ và cách sống hoàn toàn khác biệt, không thể nào dung hòa được. Mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H để trả tự do cho nhau.

Xét thấy: Hôn nhân được duy trì trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống mang lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

Nguyên đơn ông Lê Văn Cửu L xác nhận tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H không mang lại hạnh phúc cho nhau, từ khi ông nộp đơn đến Tòa án, bà H cũng không quan tâm và không có thái độ hàn gắn. Do đó từ tháng 3 năm 2022, ông bà đã sống ly thân với nhau. Bản thân ông đã dọn về nhà mẹ sinh sống.

Bị đơn bà Trần Thị Út H trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà đã được Tòa thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của ông L. Khi được Tòa án triệu tập đến tòa tham gia hòa giải đoàn tụ bà cũng vắng mặt không lý do. Điều này cho thấy bà không quan tâm đến hạnh phúc hôn nhân của mình và để mặc cho ông L tự quyết định.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Văn Cửu L và bà Trần Thị Út H, UBND phường 26 nơi ông bà sinh sống cho biết:

Qua kiểm tra thông tin của công an phường, Ủy ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh cung cấp thông tin như sau:

Ủy ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh không nắm rõ việc ông Lê Văn Cửu L và bà Trần Thị Út H còn sống với nhau hay đã ly thân cũng như việc ông L và bà H có thường xuyên cãi vã, xung đột gia đình. Ủy ban phường chưa từng giải quyết những mâu thuẫn của ông Lê Văn Cửu L và bà Trần Thị Út H.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện hai người không sống chung với nhau nên khả năng đoàn tụ là không có. Căn cứ quy định tại Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn Cửu L, giải quyết cho ông Long được ly hôn với bà H là phù hợp với quy định pháp luật cũng như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

- Về con chung: Ông L và bà H có một con chung tên Lê Hiền T, sinh ngày 10/12/2007. Sau khi ly hôn ông L đồng ý giao con chung cho bà Trần Thị Út H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Xét thấy con chung từ trước đến nay vẫn ở với bà H, việc ông L đồng ý để con chung cho bà H nuôi dưỡng tạo sự ổn định về môi

trường sống và học tập của cháu. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Long

- Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn Cửu L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 2, 19, 21, 51, 53, 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Truyền xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Cửu L.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Văn Cửu L được ly hôn với bà Trần Thị Út H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 046/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/03/2007 không còn giá trị sử dụng kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hiền T, sinh ngày 10/12/2007 cho bà Trần Thị Út H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện ông Lê Văn Cửu L cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Bắt đầu thi hành từ tháng 8 năm 2023.

Ông L được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông L khai không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Lê Văn Cửu L phải nộp. Nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0019069 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Sau khi cân trừ, ông L phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- VKSND quận Bình Thạnh ;
- THA DS quận Bình Thạnh;
- UBND Phường 10, quận Gò Vấp; Tp.HCM
- Đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thủy

**HỘI THẨM HÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phước Nguyễn Thị Bích Thân Nguyễn Thị Thanh Thủy